

Chính sách cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường: nội dung và những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

NGUYỄN THANH TRỌNG

Cạnh tranh là thuộc tính vốn có, là sức sống và là động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Cạnh tranh sẽ phân bổ hiệu quả các nguồn lực trong xã hội, gia tăng phúc lợi của người tiêu dùng, thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật công nghệ, thu hút đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế... Một thái cực ngược lại của cạnh tranh là độc quyền, độc quyền sẽ gây ra những tổn thất vô ích cho xã hội, làm giảm phúc lợi của người tiêu dùng, không khuyến khích người sản xuất cải tiến kỹ thuật công nghệ, kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nhận thức được những lợi ích mang lại của cạnh tranh và tác động tiêu cực của độc quyền, nhiều quốc gia đã xây dựng và hoàn thiện chính sách cạnh tranh nhằm tạo nền tảng cho cạnh tranh, đồng thời kiểm soát, ngăn chặn sự hình thành độc quyền và các hành vi gây hạn chế cạnh tranh trong nền kinh tế.

1. Chính sách cạnh tranh

Mục tiêu: mỗi nước đặt ra cho chính sách cạnh tranh những mục tiêu khác nhau. Nhưng đến nay, có một sự nhất trí rộng khắp rằng mục tiêu cơ bản của chính sách cạnh tranh là tăng cường sự cạnh tranh giữa các công ty trên thị trường bằng cách hạn chế những thất bại thị trường mang tính phản cạnh tranh của tư nhân, cũng như những hoạt động làm bóp méo thị trường của Chính phủ, nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh tế, nâng cao lợi ích của người tiêu dùng, thu hút đầu tư trong và ngoài nước và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, luật và chính sách cạnh tranh đôi khi cũng không nói rõ hiệu quả là như thế nào xét về mặt thịnh dư của người tiêu

dùng, tổng thịnh dư hoặc tổng phúc lợi, thậm chí trong những trường hợp mà chính sách cạnh tranh chủ yếu tập trung vào mục tiêu hiệu quả như của Hoa Kỳ; do vậy, không có một cách thức tiếp cận nhất quán nào về vấn đề hiệu quả, và cách hiểu những khái niệm chống độc quyền có thể thay đổi một cách đáng kể tùy thuộc vào mục tiêu của chính sách và khái niệm hiệu quả được các cơ quan thi hành áp dụng.

Ngoài mục tiêu hiệu quả, chính sách cạnh tranh còn theo đuổi các mục tiêu pháp lý và những mục tiêu phi hiệu quả khác. Chính sách cạnh tranh không thể bỏ qua những yêu cầu của xã hội phải coi trọng lợi ích công cộng và những quyền cơ bản của con người được quy định trong hiến pháp và pháp luật. Hầu hết các chính phủ đều tính đến những mục tiêu không có liên quan tới hiệu quả như sự công bằng, các cơ hội dành cho doanh nghiệp nhỏ, sự hội nhập thị trường, phát triển công nghệ và tạo việc làm.

Về nội dung: tuy mục tiêu của chính sách cạnh tranh và chống độc quyền trong kinh doanh của mỗi nước có sự khác nhau, nhưng tựu trung lại đều ở 3 nội dung chính sau:

- *Một là*, kiểm soát các công ty độc quyền. Kiểm soát sự ra đời của các công ty độc quyền như là kết quả của các vụ sáp nhập, hợp nhất; kiểm soát các hành vi của các công ty độc quyền như: vấn đề định giá, thông đồng trong đấu thầu,...
- *Hai là*, loại bỏ các rào cản và các hạn chế khác đối với cạnh tranh, như là: rào cản trong

Nguyễn Thanh Trọng, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

việc gia nhập thị trường, rào cản trong việc tiếp cận các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh...

- *Ba là*, điều tiết, phi tập trung hóa cung cấp trong các ngành độc quyền tự nhiên, các doanh nghiệp công ích hay còn gọi là điều tiết các chủ thể độc quyền tự nhiên. Trong những giai đoạn lịch sử nhất định, nền kinh tế của hầu hết các quốc gia đều có sự tồn tại của độc quyền tự nhiên, độc quyền trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích. Tuy nhiên, để đảm bảo tính hiệu quả cho nền kinh tế và phù hợp với xu thế phát triển, chính sách cạnh tranh cần phải thực hiện điều tiết các chủ thể độc quyền và phi tập trung hóa việc cung cấp trong các ngành độc quyền tự nhiên và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công ích trong nền kinh tế.

Về công cụ: để thực hiện các mục tiêu của chính sách cạnh tranh, Chính phủ sử dụng nhiều công cụ khác nhau, tuy nhiên tựu trung lại có 2 công cụ chính là: công cụ pháp lý và công cụ kinh tế.

Công cụ pháp lý: là việc Nhà nước xây dựng và ban hành các luật lệ trong kinh doanh nhằm khuyến khích cạnh tranh và chống độc quyền. Công cụ này tập hợp các biện pháp mang tính pháp lý như: ban hành luật cạnh tranh, luật chống độc quyền, thành lập cơ quan quản lý cạnh tranh và chống độc quyền; quy định nghiêm cấm các hành vi gây cản trở cạnh tranh; xóa bỏ những rào cản pháp lý gây hạn chế cạnh tranh...

Công cụ kinh tế: là công cụ thông qua những biện pháp kinh tế nhằm khuyến khích cạnh tranh và chống độc quyền trong kinh doanh, chẳng hạn như: chính sách thuế chống độc quyền; chính sách can thiệp trực tiếp trong việc định giá hàng hóa độc quyền; giảm can thiệp, bảo hộ trong nền kinh tế, gia nhập các tổ chức thương mại thế giới và khu vực, thực hiện tự do thuế quan; tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước,...

Về biện pháp: thực thi chính sách cạnh tranh, Chính phủ sử dụng nhiều biện pháp khác nhau, tương ứng với từng nội dung, mục tiêu cụ thể có những biện pháp tương ứng.

Một là, đối với việc kiểm soát các công ty độc quyền, các biện pháp được thực hiện là:

- Ban hành luật cạnh tranh, luật chống độc quyền và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành để làm nền tảng cho hoạt động thúc đẩy cạnh tranh và chống độc quyền- trong đó quy định cụ thể những hành vi hạn chế cạnh tranh: thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường; lạm dụng vị trí độc quyền; tập trung kinh tế ở mức độ nào thì bị cấm tuyệt đối, ở mức độ nào thì bị cấm có điều kiện, trường hợp nào thì cho phép và có các điều kiện miễn trừ. Đồng thời thành lập các cơ quan quản lý cạnh tranh, thực thi luật chống độc quyền và chính sách cạnh tranh có đủ chức năng và quyền hạn.

- Kiểm soát việc sử dụng sức mạnh thị trường của các công ty sau khi sáp nhập.

- Minh bạch hóa và công khai hóa các chính sách liên quan và các hoạt động của các cơ quan quản lý cạnh tranh.

Trong hàng loạt các biện pháp nêu trên, thì biện pháp thành lập cơ quan thực thi chính sách cạnh tranh là biện pháp cấp thiết ngay sau khi ban hành chính sách và luật cạnh tranh.

Hai là, đối với nội dung loại bỏ các rào cản trong việc gia nhập và các hạn chế khác đối với cạnh tranh, các biện pháp được thực hiện là:

- Dỡ bỏ hạn chế đối với việc gia nhập hoặc rời bỏ thị trường.

- Chấm dứt hầu hết việc kiểm soát giá cả nội địa.

- Gia nhập WTO, tham gia hiệp định thương mại trong khu vực; giảm can thiệp, bảo hộ; thực hiện tự do thuế quan.

- Loại bỏ các loại giấy phép nhập khẩu bắt buộc không cần thiết; hủy bỏ chế độ kiểm soát giá nhập khẩu và đầu tư.

- Cải cách các quy định hạn chế cạnh tranh không chính đáng và tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ba là, đối với nội dung điều tiết, phi tập trung hóa cung cấp trong các ngành độc

quyền tự nhiên, các doanh nghiệp công ích, các biện pháp được thực hiện là:

- Cơ cấu lại các công ty độc quyền, chia nhỏ các loại dịch vụ, loại trừ khả năng một loại dịch vụ nào đó trở thành một phần độc quyền tự nhiên.

- Đấu thầu cạnh tranh để xác định công ty nào được tham gia thi công, trong khi Chính phủ vẫn giữ được vai trò kiểm soát. Tạo áp lực cạnh tranh bằng việc yêu cầu công khai giá thi công và dịch vụ.

- Cải cách quản lý và nới lỏng điều tiết kết hợp với tư nhân hóa.

- Tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước, giảm can thiệp bảo hộ, xoá bỏ điều tiết của Nhà nước.

Về vấn đề tư nhân hóa, giảm can thiệp, xoá bỏ điều tiết của Nhà nước, ở nhiều nước trên thế giới, nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực như: thép, đường, hàng không, truyền hình, dịch vụ vệ tinh thu phát sóng, đường sắt... trước đây là doanh nghiệp nhà nước giờ đã thuộc sở hữu tư nhân. Các loại giấy phép và những thỏa thuận nhượng bộ như khai thác, dự trữ, truyền tải và phân phối khí đốt tự nhiên... trước kia do Nhà nước điều hành nay đều đã được bán đấu giá cho khu vực tư nhân. Tuy nhiên, trong một số lĩnh vực việc xoá bỏ điều tiết của Nhà nước chỉ có ý nghĩa khi và chỉ khi môi trường cạnh tranh đã đầy đủ để thay thế cho môi trường ban đầu bị bó buộc chặt chẽ. Việc phi tập trung hóa cung cấp trong các ngành dịch vụ công cộng cũng cần quan tâm tới vấn đề ngăn chặn chuyển độc quyền từ tay Nhà nước sang tay tư nhân.

2. Chính sách cạnh tranh của một số quốc gia trên thế giới

• Hoa Kỳ

Ở Hoa Kỳ, chính sách cạnh tranh được coi là một bộ phận cơ bản của thực thể kinh tế và có vai trò trung tâm trong thiết kế pháp luật và các quý chế kinh tế.

Về mục tiêu, chính sách cạnh tranh của Hoa Kỳ tập trung vào 3 mục tiêu là: tăng phúc lợi cho người tiêu dùng, bảo vệ quá

trình cạnh tranh và tăng hiệu quả kinh tế. Trong đó, theo tiến sĩ J. Elizabeth Callison – Ủy ban Thương mại liên bang thì “2/3 mục tiêu quan trọng nhất của chính sách cạnh tranh Hoa Kỳ tập trung chính vào người tiêu dùng: thúc đẩy lợi ích của người tiêu dùng, thứ đến là bảo vệ cạnh tranh cho lợi ích của người tiêu dùng. Người tiêu dùng sẽ được hưởng một chính sách giá thấp với lượng hàng hóa cung ứng nhiều hơn, chất lượng – dịch vụ chắc chắn sẽ hiệu quả hơn và tốt hơn rất nhiều. Một số trường hợp vi phạm luật cạnh tranh và chống độc quyền sẽ bị đưa ra xét xử tại tòa hình sự chứ không chỉ đơn thuần là phạt hành chính”¹.

Về pháp luật, Hoa Kỳ đã ban hành rất sớm các luật về cạnh tranh và chống độc quyền: Luật Chống tở rớt Sherman (1890), Luật Chống tở rớt Clayton (1914) và sau đó là sự ra đời của Luật Ronbinson – Patman về phân biệt giá và Luật Celler – Kefauver về sáp nhập. Pháp luật cạnh tranh của Hoa Kỳ được đánh giá là chặt chẽ và nghiêm khắc, đồng thời có thể điều chỉnh tất cả các vấn đề cạnh tranh có thể phát sinh khi thực hiện thay đổi thể chế cho phép tăng cường cạnh tranh trên thị trường².

Về cơ quan thực thi chính sách cạnh tranh gồm: Vụ Chống độc quyền (Antitrust Division of the Department of Justice) - là cơ quan thuộc Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và Ủy ban Thương mại liên bang (Federal Trade Commission). Hai cơ quan này có vai trò cả trong chính quyền địa phương lẫn chính quyền liên bang và hoạt động nhằm đẩy mạnh và giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách cạnh tranh trên thị trường, đồng thời đảm bảo các nguyên tắc:

- Kết quả của xoá bỏ điều tiết phải đem lại lợi ích cho toàn bộ nền kinh tế và người tiêu dùng.

1. Báo Tuổi trẻ (số 88/07, ngày 3-4-2007), “Gian truân xoá bỏ độc quyền”.

2. UNDP và CIEM(2002), *Các vấn đề pháp lý và thể chế về chính sách cạnh tranh và kiểm soát độc quyền kinh doanh*, Nxb Giao thông vận tải, tr 260.

- Cơ quan thực thi chính sách cạnh tranh phải là người ủng hộ và tác động thay thế môi trường có điều tiết ban đầu bởi môi trường cạnh tranh đầy đủ.

- Cơ quan thực thi chính sách cạnh tranh có thể vừa có ảnh hưởng đến quá trình xóa bỏ điều tiết cũng như bảo vệ thành quả này bằng cách thực thi chính sách cạnh tranh một cách thận trọng và triệt để, đưa ra các hành động pháp lý cần cho việc xóa bỏ điều tiết và kiểm soát các ngành đã phi điều tiết để bảo vệ cạnh tranh được thành công.

• Nhật Bản

Mục tiêu chính của chính sách cạnh tranh của Nhật Bản là thúc đẩy cạnh tranh công bằng và tự do, khuyến khích sự sáng tạo của các doanh nhân, mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng mức độ sử dụng lao động và thu nhập của mọi người, thúc đẩy sự phát triển dân chủ của nền kinh tế quốc dân cũng như đảm bảo các quyền lợi của người tiêu dùng.

Luật cạnh tranh cơ bản của Nhật Bản là Luật Chống độc quyền được ban hành từ năm 1947. Đạo luật này ngăn chặn những hạn chế vô lý đối với thương mại, ngăn chặn độc quyền tư nhân và tình trạng độc quyền trong nền kinh tế, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh, cấm lạm dụng sức mạnh chi phối thị trường, cấm tập trung quá mức sức mạnh thị trường và điều tiết các hành vi sai trái một cách cố ý, từ đó khuyến khích những hoạt động kinh doanh sáng tạo trên thị trường.

Cơ quan thực thi và bảo vệ luật và chính sách cạnh tranh ở Nhật Bản là Hội đồng Thương mại bình đẳng (JFTC). Hội đồng này độc lập với Chính phủ và các bộ. JFTC không cần hỏi ý kiến bất kỳ bộ nào trước khi đưa ra một phán quyết thực thi luật và ngược lại, các bộ có thể nêu rõ với JFTC quan điểm về cách giải quyết những vụ việc cụ thể.

• Hàn Quốc

Ở Hàn Quốc, đạo luật về thương mại lành mạnh và quy định về độc quyền được ban hành vào năm 1980 và được sửa đổi vào năm 1998 và năm 1999, nhằm điều chỉnh hoạt

động của các doanh nghiệp và đẩy mạnh việc thực thi. Ngoài đạo luật về thương mại lành mạnh và quy định về độc quyền, Hàn Quốc còn có một số luật khác liên quan đến thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh như - luật về các giao dịch hợp đồng phụ, luật cấm toàn bộ Cartel.

Cơ quan thực thi chính sách cạnh tranh của Hàn Quốc là Ủy ban Thương mại và Công bằng Hàn Quốc. Cơ quan này có vai trò tư vấn cho Chính phủ trong quá trình cải cách hoạt động quản lý, đồng thời thực thi chính sách cạnh tranh một cách độc lập.

Chính sách cạnh tranh của Hàn Quốc miễn cho các hợp tác xã lập từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ khỏi phạm vi điều chỉnh của luật cạnh tranh với những điều kiện nhất định và cho rằng một trong những điều kiện tiên quyết để bảo vệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ là duy trì cạnh tranh công bằng trên thị trường. Do đó trong các điều khoản của đạo luật về thương mại công bằng chứa những điều khoản mà chỉ có trong luật cạnh tranh của Hàn Quốc- cấm sự hỗ trợ không bình đẳng giữa các chi nhánh của các công ty lớn ở Hàn Quốc và hạn chế các bảo đảm đối với các khoản nợ.

• Malaixia

Malaixia luôn ủng hộ các chính sách, các nguyên tắc cạnh tranh và có nhiều nỗ lực thúc đẩy môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế. Quá trình toàn cầu hóa hiện nay buộc Malaixia phải tạo lập một cơ chế thị trường hiệu quả hơn thông qua hàng loạt biện pháp thúc đẩy cạnh tranh như:

- Tư nhân hóa nhiều dịch vụ và cơ quan của Chính phủ.

- Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào các lĩnh vực y tế và giáo dục.

- Cải thiện việc cạnh tranh trong ngành năng lượng bằng việc khuyến khích sự tham gia của các nhà cung cấp điện độc lập.

- Đưa ra một số chính sách tự do hơn trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông và liên lạc - như khuyến khích các công ty nước ngoài cạnh tranh trong lĩnh vực này.

- Tiếp tục thực hiện tự do hóa thuế quan, thương mại và đầu tư cũng là biện pháp để thúc đẩy hơn nữa môi trường cạnh tranh của nước này.

3. Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Một là, hiện tồn tại hai quan điểm về mục tiêu của chính sách cạnh tranh.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng: mục tiêu duy nhất của chính sách cạnh tranh là tối đa hóa hiệu quả kinh tế. Theo quan điểm này thì chính sách cạnh tranh sẽ không cần quan tâm tới các tiêu chí chính trị - xã hội như công bằng, bình đẳng, bởi vì những tiêu chí này rất khó định nghĩa và do đó không thể được xem xét một cách đồng thời.

- Quan điểm thứ hai cho rằng: chính sách cạnh tranh phải dựa trên những giá trị kinh tế - xã hội khác nhau. Những giá trị này không dễ lượng hóa và cũng khó có thể được đưa vào một mục tiêu kinh tế đơn nhất. Những giá trị này phản ánh những mong muốn liên quan tới nền văn hóa, lịch sử và thể chế cũng như nhận thức của xã hội. Quan điểm này đề cập đến mục tiêu của chính sách cạnh tranh là tối đa hóa lợi ích xã hội. Những lợi ích xã hội thường bao gồm: hiệu quả kinh tế, lợi ích của người tiêu dùng, sự phát triển cân đối giữa tăng trưởng kinh tế và duy trì việc làm, tiến bộ khoa học kỹ thuật. Theo quan điểm này, trên thực tế không có nền kinh tế nào lại chỉ chạy theo một mục tiêu duy nhất là hiệu quả kinh tế.

Kinh nghiệm xây dựng và thực thi luật và chính sách cạnh tranh của các nước cho thấy, mỗi nhóm nước và từng nước cụ thể, tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, đặc điểm chính trị, văn hóa, xã hội mà có quan điểm, cách thức tiếp cận và đặc ra cho chính sách cạnh tranh những mục tiêu cụ thể. Chính vì vậy, không thể cho rằng quan điểm nào là đúng hơn và một mô hình nào đó là tốt hơn.

Hai là, ở các nước, cơ quan thực thi chính sách cạnh tranh có vị thế rõ ràng, độc lập với Chính phủ, nhưng thường thuộc hoặc có liên quan đến các bộ. Các cơ quan này luôn bảo

vệ, khuyến khích cạnh tranh, chống độc quyền và theo đuổi các mục tiêu mà pháp luật cạnh tranh đã định ra.

Ba là, về nội dung, chính sách cạnh tranh của các nước tập trung chủ yếu vào 3 nội dung chính là: kiểm soát độc quyền; loại bỏ các rào cản gây hạn chế cạnh tranh; điều tiết các ngành độc quyền tự nhiên. Tuy nhiên, tùy thuộc vào trình độ và yêu cầu phát triển của nền kinh tế mà chính sách cạnh tranh của mỗi quốc gia tập trung tiếp cận những nội dung ưu tiên và có các biện pháp phù hợp.

- *Đối với việc kiểm soát độc quyền:*

Các nước có nền kinh tế phát triển, quá trình cạnh tranh rất gay gắt và tự do, các hàng rào cản trở cạnh tranh đã được dỡ bỏ, thì chính sách cạnh tranh và quy định về chống độc quyền của các nước này thường tập trung vào kiểm soát độc quyền, chẳng hạn như Hoa Kỳ. Đồng thời cách tiếp cận kiểm soát hành vi độc quyền thường hướng vào các nội dung cụ thể sau:

+ Kiểm soát các vụ sáp nhập và hợp nhất: tiêu chí để kiểm soát là xem xét liệu các công ty mới được sáp nhập có thể làm giảm đáng kể cạnh tranh hay không.

+ Kiểm soát và điều tiết các hành vi thị trường thực tế xảy ra hoặc có thể xảy ra của các công ty đang sáp nhập.

Đối với kiểm soát độc quyền, các nước thường ít chú trọng tới mức độ tập trung và thị phần của các công ty mà chủ yếu tập trung vào tính hiệu quả đối với nền kinh tế. Mặc dù các chỉ số về mức độ tập trung và thị phần được quy định để sử dụng sàng lọc các vụ sáp nhập, nhưng quá trình kiểm soát lại nhấn mạnh vào việc đánh giá các hành vi sau khi sáp nhập của các công ty.

- *Đối với việc loại bỏ các rào cản gây hạn chế cạnh tranh:*

Đối với những nước trong quy định về kinh doanh còn tồn tại những rào cản nhất định thì chính sách cạnh tranh ưu tiên tập trung vào việc loại bỏ các rào cản gây hạn chế cạnh tranh, bằng việc rà soát và loại bỏ các hàng rào thương mại từ bên ngoài; rà soát và

loại bỏ các hàng rào thương mại trong nước một cách có hệ thống; và đưa ra các nguyên tắc:

+ Không cho phép một nhân tố nào trên thị trường có hành vi phản cạnh tranh và đi ngược với quyền lợi chung của xã hội (trừ các hành vi mặc dù có thể làm tổn hại đến thị trường nhưng nhằm phục vụ lợi ích chung. Tuy nhiên, bản chất và lợi ích xã hội thu được từ hành vi này phải được đánh giá một cách công khai).

+ Các quy tắc cạnh tranh được áp dụng một cách thống nhất và có hiệu lực chung đối với tất cả các nhân tố tham gia vào thị trường, không phân biệt hình thức sở hữu.

+ Bất cứ sự thay đổi nào trong chính sách cạnh tranh đều phải phù hợp và có tác dụng xây dựng một thị trường hàng hóa và dịch vụ trong nước thống nhất và rộng mở, bằng việc loại bỏ các rào cản không cần thiết đối với thương mại và cạnh tranh.

- *Đối với việc điều tiết các ngành độc quyền tự nhiên:*

Các ngành cung cấp dịch vụ công cộng như: cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông... được coi là các ngành độc quyền tự nhiên ở nhiều quốc gia và việc cung cấp các dịch vụ này chỉ dành cho một doanh nghiệp, thường là doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động của các đơn vị này thường do Nhà nước quản lý và thường là kém hiệu quả. Do đó, để thúc đẩy cạnh tranh và nâng cao hiệu quả, một số nước thực hiện phi tập trung hóa cung cấp dịch vụ trong các ngành này và thực hiện nhiều biện pháp để thúc đẩy cạnh tranh như:

+ Thừa nhận nhiều dịch vụ có thể chia nhỏ và hầu hết các phần chia nhỏ này không phải là những thành phần độc quyền một cách tự nhiên.

+ Đấu thầu cạnh tranh để xác định công ty cung cấp dịch vụ trong khi bộ phận dịch vụ khác vẫn do Nhà nước độc quyền. Đối với việc sản xuất điện, có thể cơ cấu lại theo hướng cung cấp cạnh tranh trong khi việc phân phối điện vẫn do Chính phủ kiểm soát thông qua mạng lưới truyền tải điện.

+ Tạo áp lực cạnh tranh bằng việc yêu cầu các nhà cung cấp đơn lẻ báo cáo với chính phủ và công chúng về hoạt động của họ về các vấn đề như giá lắp đặt các dịch vụ và so sánh các tiêu chí này với các công ty trong nước và quốc tế khác.

+ Tạo ra cạnh tranh cho thị trường nơi mà các hãng cạnh tranh với nhau để giành quyền cung cấp cho một thị trường cụ thể dưới hình thức hợp đồng dài hạn. Các hợp đồng này được ký kết với nhiều chỉ tiêu hoạt động và cạnh tranh có thể được đánh giá theo khía cạnh chuyển giao công nghệ, giá cả.

+ Cho phép tự do gia nhập thị trường như là một trong những yếu tố then chốt để thúc đẩy cạnh tranh và tăng cường hiệu quả trong việc cung cấp các dịch vụ công cộng.

Bốn là, trong quá trình thực thi chính sách cạnh tranh, nhiều quốc gia coi chính sách cạnh tranh là trung tâm của cải cách quản lý; và xây dựng, hoàn thiện chính sách cạnh tranh là một yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ernst U. Petersmann (1999): Vai trò của chính sách cạnh tranh trong việc tạo ra một sân chơi bình đẳng hơn cho sự phát triển trên các thị trường đang toàn cầu hóa: thách thức đối với các chính phủ và các tổ chức đa phương; ấn phẩm của UNCTAD.
2. Natalya Yacheistova (1999): Chính sách cạnh tranh các nước đang phát triển – cơ sở pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn; ấn phẩm của UNCTAD.
3. Tăng Văn Nghĩa (2006): “Chính sách cạnh tranh – công cụ vĩ mô nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dân doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”; Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, (333).
4. UNCTAD (1999): Tóm tắt nội dung cuộc hội thảo trước thềm hội nghị UNCTAD X về vai trò của chính sách cạnh tranh đối với sự phát triển trong tiến trình toàn cầu hóa thị trường thế giới.
5. UNCTAD (2000): Bộ quy tắc về chính sách cạnh tranh của Liên hợp quốc.
6. W.Lachmann (1999): Khía cạnh phát triển của luật và chính sách cạnh tranh, ấn phẩm của UNCTAD.
7. UNDP và CIEM(2003): Chính sách phát triển kinh tế - kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc - tập 1, Nxb Giao thông vận tải.
8. W.Lachmann (1999): Khía cạnh phát triển của luật và chính sách cạnh tranh, ấn phẩm của UNCTAD.

loại bỏ các hàng rào thương mại trong nước một cách có hệ thống; và đưa ra các nguyên tắc:

+ Không cho phép một nhân tố nào trên thị trường có hành vi phản cạnh tranh và đi ngược với quyền lợi chung của xã hội (trừ các hành vi mặc dù có thể làm tổn hại đến thị trường nhưng nhằm phục vụ lợi ích chung. Tuy nhiên, bản chất và lợi ích xã hội thu được từ hành vi này phải được đánh giá một cách công khai).

+ Các quy tắc cạnh tranh được áp dụng một cách thống nhất và có hiệu lực chung đối với tất cả các nhân tố tham gia vào thị trường, không phân biệt hình thức sở hữu.

+ Bất cứ sự thay đổi nào trong chính sách cạnh tranh đều phải phù hợp và có tác dụng xây dựng một thị trường hàng hóa và dịch vụ trong nước thống nhất và rộng mở, bằng việc loại bỏ các rào cản không cần thiết đối với thương mại và cạnh tranh.

- *Đối với việc điều tiết các ngành độc quyền tự nhiên:*

Các ngành cung cấp dịch vụ công cộng như: cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông... được coi là các ngành độc quyền tự nhiên ở nhiều quốc gia và việc cung cấp các dịch vụ này chỉ dành cho một doanh nghiệp, thường là doanh nghiệp nhà nước. Hoạt động của các đơn vị này thường do Nhà nước quản lý và thường là kém hiệu quả. Do đó, để thúc đẩy cạnh tranh và nâng cao hiệu quả, một số nước thực hiện phi tập trung hóa cung cấp dịch vụ trong các ngành này và thực hiện nhiều biện pháp để thúc đẩy cạnh tranh như:

+ Thừa nhận nhiều dịch vụ có thể chia nhỏ và hầu hết các phần chia nhỏ này không phải là những thành phần độc quyền một cách tự nhiên.

+ Đấu thầu cạnh tranh để xác định công ty cung cấp dịch vụ trong khi bộ phận dịch vụ khác vẫn do Nhà nước độc quyền. Đối với việc sản xuất điện, có thể cơ cấu lại theo hướng cung cấp cạnh tranh trong khi việc phân phối điện vẫn do Chính phủ kiểm soát thông qua mạng lưới truyền tải điện.

+ Tạo áp lực cạnh tranh bằng việc yêu cầu các nhà cung cấp đơn lẻ báo cáo với chính phủ và công chúng về hoạt động của họ về các vấn đề như giá lắp đặt các dịch vụ và so sánh các tiêu chí này với các công ty trong nước và quốc tế khác.

+ Tạo ra cạnh tranh cho thị trường nơi mà các hãng cạnh tranh với nhau để giành quyền cung cấp cho một thị trường cụ thể dưới hình thức hợp đồng dài hạn. Các hợp đồng này được ký kết với nhiều chỉ tiêu hoạt động và cạnh tranh có thể được đánh giá theo khía cạnh chuyển giao công nghệ, giá cả.

+ Cho phép tự do gia nhập thị trường như là một trong những yếu tố then chốt để thúc đẩy cạnh tranh và tăng cường hiệu quả trong việc cung cấp các dịch vụ công cộng.

Bốn là, trong quá trình thực thi chính sách cạnh tranh, nhiều quốc gia coi chính sách cạnh tranh là trung tâm của cải cách quản lý; và xây dựng, hoàn thiện chính sách cạnh tranh là một yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ernst U. Petersmann (1999): Vai trò của chính sách cạnh tranh trong việc tạo ra một sân chơi bình đẳng hơn cho sự phát triển trên các thị trường đang toàn cầu hóa: thách thức đối với các chính phủ và các tổ chức đa phương; ấn phẩm của UNCTAD.
2. Natalya Yacheistova (1999): Chính sách cạnh tranh các nước đang phát triển – cơ sở pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn; ấn phẩm của UNCTAD.
3. Tăng Văn Nghĩa (2006): “Chính sách cạnh tranh – công cụ vĩ mô nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp dân doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế”; Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, (333).
4. UNCTAD (1999): Tóm tắt nội dung cuộc hội thảo trước thềm hội nghị UNCTAD X về vai trò của chính sách cạnh tranh đối với sự phát triển trong tiến trình toàn cầu hóa thị trường thế giới.
5. UNCTAD (2000): Bộ quy tắc về chính sách cạnh tranh của Liên hợp quốc.
6. W.Lachmann (1999): Khía cạnh phát triển của luật và chính sách cạnh tranh, ấn phẩm của UNCTAD.
7. UNDP và CIEM(2003): Chính sách phát triển kinh tế - kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc - tập 1, Nxb Giao thông vận tải.
8. W.Lachmann (1999): Khía cạnh phát triển của luật và chính sách cạnh tranh, ấn phẩm của UNCTAD.